

## CHUYÊN ĐỀ: CONJUNCTIONS AND SEQUENCING

### LÝ THUYẾT

#### A. Liên từ (Conjunctions)

##### 1. Đồng lập (Coordinating Conjunctions)

- Các từ thường gặp: for, and, nor, but, or, yet, so (**viết tắt: FANBOYS**)

- Cách dùng:

- Nối hai mệnh đề độc lập (independent clauses) có quan hệ ngang hàng.
- Đặt liên từ giữa hai mệnh đề.
- Trước liên từ thường có dấu phẩy ( , ) nếu mệnh đề hai bên đủ chủ ngữ + động từ.

Ví dụ: Students should practise critical thinking, **and** teachers should provide more real-life projects.

##### 2. Phụ thuộc (Subordinating Conjunctions)

- Các từ thường gặp: because, although, if, when, since, while, unless, before, after, though, as ...

- Cách dùng:

- Dùng để tạo mệnh đề phụ thuộc (dependent clause), mệnh đề này không đứng một mình.
- Khi mệnh đề phụ đi trước, cần dấu phẩy sau mệnh đề phụ.
- Khi mệnh đề phụ đi sau, không cần dấu phẩy (trừ trường hợp nhấn mạnh).

Ví dụ: **Although** many schools now have modern facilities, teachers still need to help students develop self-study skills.

Hoặc: Teachers still need to help students develop self-study skills, **although** many schools now have modern facilities.

##### 3. Liên từ nối đoạn / Liên từ chuyển tiếp (Conjunctive Adverbs & Sequencers)

- Các từ thường gặp:

- Chỉ sự tương phản: however, nevertheless, on the other hand, in contrast
- Chỉ kết quả: therefore, thus, as a result, consequently
- Thêm ý: in addition, moreover, furthermore, besides
- Trình tự: firstly, secondly, finally, next, then, .....

- Cách dùng:

- Thường đứng đầu câu hoặc giữa hai mệnh đề độc lập.
- Nếu đứng giữa 2 mệnh đề → dùng dấu chấm phẩy ( ; ) + dấu phẩy ( , ).
- Nếu đứng đầu câu → sau từ nối có dấu phẩy.

- Ví dụ:

- She was very tired; **however**, she continued working.
- He didn't study hard; **therefore**, he failed the exam.
- **In addition**, the program helps students improve critical thinking.
- I was cooking. **Meanwhile**, my brother was setting the table.

- Lưu ý:

- **Không** dùng conjunctive adverbs để nối trực tiếp 2 mệnh đề như FANBOYS.  
☒ She was very tired however she continued working.  
☐ She was very tired; however, she continued working.

#### B. Sequencing trong đoạn văn

- Xác định câu mở đầu (topic sentence), câu phát triển, câu kết.
- Tìm từ khóa chỉ trình tự: *first, then, next, finally, after that, eventually...*

- Tìm liên từ/ trạng từ chuyển tiếp thể hiện quan hệ: *however, instead, therefore, consequently...*